

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-PT
Ngày 14-9-2023
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên lạc: Số E đường B, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nhà hàng T1).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trương Thị Thu T trình bày:

Bà T và ông S tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017. Đến ngày 11/12/2017 hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S cờ bạc, gây nợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong lúc cãi nhau ông S đã đánh bà T 03 lần gây xây xát nhẹ. Về sau này vợ chồng xảy ra tranh cãi lớn, ông S đe dọa vợ con nên bà và ông S ly thân cho đến nay. Trong quá trình chờ Tòa án giải quyết việc ly hôn ông S có hành vi làm nhục bà T trước mọi người nên tình cảm của bà T dành cho ông S không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Trương Như M, sinh ngày 02/3/2018, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn S trình bày: Ông thống nhất quá trình kết hôn, chung sống, con chung đúng như bà T trình bày. Mâu thuẫn gia đình là do ông có chơi cờ bạc nhưng đã bỏ được 02 tháng. Vì cờ bạc mà vợ chồng gây gỗ, trong lúc nóng giận ông S có đánh bà T nhưng giờ đã hối hận, xác định còn thương vợ con nên không muốn ly hôn.

-Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Lê Trương Như M, sinh ngày 02/3/2018, giới tính nữ. Hiện con chung đang ở nhà di và dưỡng bà T. Nếu ly hôn ông S yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông S đang chờ hàng thuê, đi làm thuê, tổng thu nhập hàng tháng là 12.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung.

Vụ án đã được hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông S.

Về hôn nhân: Cho bà T ly hôn đối với ông S.

Về con chung: Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trương Như M, sinh ngày 02/3/2018. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009080 ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An sang thi hành án phí. (Bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, bị đơn ông S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được nuôi con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa ông S trình bày: Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Hiện nay ông có công việc ổn định, làm phụ bếp tại Nhà hàng T1 và ở tại Nhà hàng, thời gian làm việc từ 9 sáng đến 18 giờ, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Nếu được nuôi con chung, ông S sẽ đưa con chung về sống cùng và chuyển trường về thành phố Hồ Chí Minh, ông S đảm bảo chăm sóc con chung tốt.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông S, con chung hiện nay sống cùng bà T, cháu đã đi học và môi trường sinh sống ổn định. Cháu ngại gần cha vì ông S có hành vi bạo hành bà T nên con chung luôn cảm giác lo sợ. Con chung chưa có thời gian nào sống một mình với ông S nên nếu để con chung cho ông S chăm sóc sẽ không đảm bảo ổn định về môi trường sống và phát triển tốt.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của ông S: Ông S kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Bà T không đồng ý. Con chung hiện nay do bà T trực tiếp chăm sóc, cả bà T và ông S đều có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo về mặt kinh tế. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện sống của con chung ổn định cần tiếp tục để con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông S không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông S hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông S kháng cáo một phần bản án. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông S thấy rằng: Ông S yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Về điều kiện kinh tế cả bà T và ông S đều có công việc thu nhập ổn định, ông S làm thuê, bà T làm công nhân. Về thời gian chăm sóc con thì cả hai cùng hạn chế về thời gian chăm sóc con chung, cần nhờ người hỗ trợ. Ông S hiện đang đi làm phụ bếp tại Nhà hàng T1 và ở tại Nhà hàng và sinh sống tại nơi làm việc nếu được nuôi con sẽ thay đổi nơi ở và môi trường sống của con chung. Hiện nay, con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, con chung phát triển tốt. Vì vậy, cần đảm bảo ổn định về nơi ở, môi trường sống, học tập thì cần tiếp tục để con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Từ nhận định mục [3] không chấp nhận kháng cáo của ông S. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; các điều 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T ly hôn đối với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Trương Như M, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2018, giới tính nữ cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Lê Văn S không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Thu T và ông Lê Văn S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm đối tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình: Buộc bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị Thu T đã

nộp theo biên lai thu số 0009080 ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (đã nộp xong).

5. Về án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm: Ông Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê Văn S đã nộp theo biên lai thu số 0009108 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (đã nộp xong).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền